TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 774/2020/DS-ST
Ngày: 13-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Cường

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 0606/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2020/QĐXXST-DS ngày 01/10/2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà Võ Mỹ L, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: 4/8 A, Phường B, quận C, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị V, sinh năm 1985. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 012668, quyển số 6TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/6/2020)

2/ *Đồng bị đơn*: Ông Dương Đức T, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: 104 O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: 37 R, Phường S, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1994. (Có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 011766, quyển số 10 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/10/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị V người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H có nhu cầu vay vốn để thực hiện các dự án kinh doanh nên đã vay của bà Võ Mỹ L số tiền là 4.256.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020; lãi suất 1,5%/tháng; thời hạn vay vốn từ ngày 04/2/2020 đến ngày 05/8/2020; số tiền vay được trả thành các đợt với thời hạn như sau:

- Đơt 1: Ngày 10/05/2020 trả 200.000.000 đồng;
- Đợt 2: Ngày 30/5/2020 trả 200.000.000 đồng;
- Đợt 3: Ngày 30/06/2020 trả 2.000.000.000 đồng;
- Đợt 4: Ngày 05/08/2020 trả 1.856.000.000 đồng.

Khi đến hạn thanh toán bà L đã yêu cầu ông T, bà H trả nợ với số tiền tương ứng của các đợt thanh toán nêu trên nhưng ông T, bà H không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 05/07/2020, ông T và bà H đã trả cho bà L số tiền là 500.000.000 đồng. Đến nay đã hết hạn trả nợ nhưng ông T và bà H vẫn không thực hiện theo cam kết trong hợp đồng vay tiền. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Đức T và Bùi Thị Thu H trả cho bà một lần toàn bộ số tiền gốc là: 3.756.000.000đ và tiền lãi tạm tính như sau:

- Từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là: 4.256.000.000 đồng x 1,5% x 5 tháng = 319.025.096 đồng.
- Từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là: 3.765.000.000 đồng x 1,5% x 1 tháng = 59.272.767 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H phải trả đến thời điểm hiện tại là: 3.756.000.000 đồng + 319.025.096 đồng + 59.272.767 đồng = 4.134.297.863 đồng.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình xét xử, các đồng bị đơn ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Thúy N trình bày:

Các bị đơn xác nhận có giao dịch vay tiền với bà Võ Mỹ L theo hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020 với nội dung ông Dương Đức T và bà Bà Thị Thu H vay của bà Võ Mỹ L số tiền 4.256.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 04/2/2020 đến ngày 05/8/2020. Đây là giấy vay duy nhất giữa ông T bà H và bà L, không còn bất kỳ giấy vay nợ nào khác. Bị đơn xác định chữ viết và chữ ký trên hợp đồng vay tiền là của ông T và bà H, bị đơn đã nhận đủ số tiền 4.256.000.000 đồng. Vào ngày 05/7/2020, bị đơn đã trả cho bà L 500.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 3.756.000.000 đồng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả nợ làm 4 đợt: Đợt 1 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 31/12/2020; Đợt 2 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 28/2/2021; Đợt 3 trả số tiền là 1.000.000.000 tỷ vào ngày 30/4/2021; Đợt 4 trả hết số tiền nợ còn lại vào ngày 31/5/2021.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho bà số tiền gốc là: 3.756.000.000đ và tiền lãi tạm tính như sau:

- Từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là: 4.256.000.000 đồng x 1,5% x 5 tháng = 319.025.096 đồng.

- Từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là: 3.765.000.000 đồng x 1,5% x 1 tháng = 59.272.767 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi mà ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H phải trả đến thời điểm hiện tại là: 3.756.000.000 đồng + 319.025.096 đồng + 59.272.767 đồng = 4.134.297.863 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả nợ làm 4 đợt: Đợt 1 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020; Đợt 2 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng vào ngày 28/2/2021; Đợt 3 trả số tiền là 1.000.000.000 đồng vào ngày 30/4/2021; Đợt 4 trả hết số tiền nợ còn lại vào ngày 31/5/2021.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản của cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn bà Bùi Thị Thu H có nơi cư trú tại 37 R, Phường S, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Việc thu thập chứng cứ:

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020 là 3.756.000.000 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020 có chữ ký và chữ viết xác nhận của ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H về việc đã nhận đủ số tiền vay là 4.256.000.000 đồng.

Căn cứ bản tự khai ngày 11/9/2020 của ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H thể hiện nội dung ông T, bà H vay của bà Võ Mỹ L số tiền 4.256.000.000 đồng, lãi suất vay 1,5%/tháng, thời hạn vay từ ngày 04/2/2020 đến ngày 05/8/2020. Ngày 05/7/2020, ông bà đã trả cho bà L 500.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 3.756.000.000 đồng.

Xét, căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 11/9/2020 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Võ Mỹ L có cho ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H vay số tiền 4.256.000.000 đồng. Ngày 05/7/2020, ông T và bà H đã trả cho bà L số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 3.756.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng đã hết, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn thu hồi nợ vay là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng; do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc các đồng bị đơn trả số tiền 3.756.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi của hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020:

Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 04/2/2020 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa xác nhận lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 1.5%/tháng.

Xét, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của

khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ nhận định trên, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền 319.025.096 đồng là nợ lãi trong hạn từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020; số tiền 59.272.767 đồng là nợ lãi trong hạn từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số tiền nợ lãi mà các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 378.297.863 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu các bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Xét, việc đại diện hợp pháp của của bị đơn yêu cầu được thanh toán làm 4 đợt cho đến khi hết nợ là không hợp lý, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của nguyên đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 4.134.297.863 đồng, trong đó nợ gốc là 3.756.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 378.297.863 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.134.298 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Võ Mỹ L.

Buộc ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Mỹ L tổng số tiền là 4.134.297.863 (Bốn tỷ một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó nợ gốc là 3.756.000.000 (Ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 04/02/2020 đến ngày 04/07/2020 là 319.025.096 (Ba trăm mười chín triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); nợ lãi trong hạn từ ngày 05/07/2020 đến ngày 05/08/2020 là 59.272.767 (Năm mươi chín triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020.

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Đức T và bà Bùi Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.134.298 (Một trăm mười hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi tám đồng).

Bà Võ Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.066.000 (Năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019178 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền ngày 04 tháng 02 năm 2020 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Hoàng Yến